

Số: ~~3794~~ /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt Đề án Tổ chức, hoạt động của lực lượng
quản lý đô nhân dân trên địa bàn thành phố Hà Nội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số: 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đô điều;

Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đô nhân dân.

Xét Tờ trình số 727 /TTr-SNV ngày 14 tháng 6 năm 2010 của Sở Nội vụ Hà Nội về việc trình phê duyệt Đề án Tổ chức, hoạt động của lực lượng quản lý đô nhân dân trên địa bàn thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Tổ chức, hoạt động của lực lượng quản lý đô nhân dân trên địa bàn thành phố Hà Nội, bao gồm:

a) Cơ cấu tổ chức lực lượng quản lý đô nhân dân

a.1. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp Quận, Huyện, Thị xã (sau đây gọi tắt là ủy ban nhân dân cấp Huyện) thành lập lực lượng quản lý đô nhân dân, không thuộc biên chế nhà nước, được tổ chức theo địa bàn từng xã, phường, thị trấn ven đô (sau đây gọi tắt là ủy ban nhân dân xã).

a.2. Mỗi nhân viên quản lý đô nhân dân chịu trách nhiệm quản lý không quá 3 km đô. Trường hợp những xã có dưới 3 km đô, tùy tính chất phức tạp của đô điều trên địa bàn (được Ban chỉ huy Phòng, chống bão lụt Thành phố đánh giá là địa bàn trọng điểm, xung yếu), thì địa phương có thể bố trí từ 1 đến 2 nhân viên Quản lý đô nhân dân cho phù hợp. Căn cứ số lượng km đô trên địa bàn xã, Chủ tịch UBND xã trình UBND cấp Huyện thẩm định, quyết định số lượng nhân viên và thành lập "Tổ Quản lý đô Nhân dân". Đối với Xã có tổ chức lực lượng quản lý đô nhân dân từ 3 đến 5 tổ viên sẽ có 1 tổ trưởng.

a.3. Nhân viên quản lý đô nhân dân phải có đủ sức khỏe; có đạo đức, phẩm chất tốt; có trách nhiệm, tâm huyết; có trình độ văn hóa tối thiểu tốt nghiệp phổ thông trung học và có hiểu biết về pháp luật. Nhân viên quản lý đô

nhân dân do UBND cấp xã ký hợp đồng theo quy định hiện hành của Luật lao động, thời hạn hợp đồng là 01 năm.

a.4. Lực lượng quản lý đê nhân dân, hoạt động dưới sự quản lý, điều hành của UBND cấp xã, và hướng dẫn về mặt chuyên môn, kỹ thuật của cơ quan chuyên môn cấp huyện và Hạt quản lý đê hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành đê điều.

b) Nhiệm vụ của tổ và nhân viên quản lý đê nhân dân.

b.1. Chấp hành sự phân công của Ủy ban nhân dân xã và chịu sự hướng dẫn về mặt chuyên môn, kỹ thuật của cơ quan chuyên môn cấp Huyện và Hạt Quản lý đê chuyên trách. Tổ trưởng tổ quản lý đê Nhân dân có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp Xã điều hành hoạt động của Tổ quản lý đê Nhân dân;

b.2. Chủ động và phối hợp với lực lượng chuyên trách quản lý đê điều trong việc thường xuyên kiểm tra, tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều thuộc địa bàn, tham gia xử lý sự cố đê điều và các công trình trên đê;

b.3. Kiểm tra, phát hiện, báo cáo kịp thời tình trạng đê điều, các diễn biến hư hỏng, sự cố đê điều và các công trình trên đê;

b.4. Phát hiện, ngăn chặn báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm luật về đê điều cho các cơ quan có thẩm quyền;

b.5. Phối hợp với Hạt quản lý đê kiểm tra lập Biên bản vi phạm và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm Luật Đê điều, Pháp lệnh phòng chống lụt bão;

b.6. Tuyên truyền, phổ biến Luật Đê điều, Pháp lệnh phòng chống lụt bão và các văn bản của Thành phố có liên quan đê nhân dân sống trên địa bàn biết và vận động nhân dân thực hiện các quy định của pháp luật về đê điều;

b.7. Tham gia với chính quyền cấp Xã và cơ quan chuyên môn xây dựng phương án hộ đê, phòng, chống lụt, bão trên địa bàn được giao;

b.8. Tham gia quản lý và bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê như: điểm canh đê; vật tư dự trữ chống lũ, lụt, bão, úng; biển báo đê điều; cột chỉ giới; cây chắn sóng bảo vệ đê và các công trình phụ trợ khác;

b.9. Nhân viên quản lý đê nhân dân khi làm nhiệm vụ phải đeo băng đỏ có chữ "QLĐND" màu vàng trên cánh tay trái.

c) Chế độ, nguồn kinh phí và nội dung báo cáo đối với lực lượng quản lý đê nhân dân.

c.1. Nhân viên Quản lý đê Nhân dân có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp Xã định kỳ một tháng hai lần vào ngày 01 và ngày 15 hàng tháng và báo cáo đột xuất khi cần thiết về tình trạng đê điều, các công trình phòng, chống, lụt bão, tình trạng vật tư dự trữ phòng chống lũ, lụt, bão trên địa bàn được giao;

c.2. Tổ Quản lý đê Nhân dân có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp Xã tổng hợp báo cáo của các nhân viên quản lý đê nhân dân trình UBND cấp xã báo cáo cơ quan chuyên môn cấp Huyện và Hạt Quản lý đê chuyên trách, mỗi tháng một lần vào ngày 03 hàng tháng và khi khẩn cấp chủ tịch UBND cấp Xã sẽ báo cáo trực tiếp Chủ tịch UBND cấp Huyện;

c.3. Nhân viên Quản lý đê Nhân dân khi làm nhiệm vụ, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đê điều hoặc những hư hỏng, sự cố đê điều phải bằng mọi cách nhanh chóng báo cáo Ủy ban nhân dân Xã hoặc Ban chỉ huy PCLB cấp xã và cơ quan chuyên môn về đê điều để có biện pháp xử lý kịp thời đảm bảo an toàn cho đê điều;

c.4. Nội dung văn bản báo cáo khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đê điều hoặc hư hỏng, sự cố đê điều và các công trình trên đê phải ghi cụ thể:

- Thời gian phát hiện vi phạm hoặc hư hỏng, sự cố đê điều;

- Vị trí, mức độ, đặc điểm, kích thước, diễn biến vi phạm hoặc hư hỏng, sự cố đê điều, đề xuất biện pháp xử lý;

c.5. Trường hợp phát hiện vi phạm hoặc hư hỏng, sự cố nguy hiểm có nguy cơ đe dọa đến an toàn đê điều, phải có biện pháp ngăn chặn kịp thời phù hợp với diễn biến đang xảy ra và báo cáo gấp Chủ tịch UBND xã; cơ quan chuyên môn cấp Huyện và Chi cục Đê điều và Phòng, chống lụt bão Thành phố để triển khai các biện pháp xử lý kịp thời.

c.6. Nhân viên quản lý đê nhân dân được hưởng chế độ thù lao hàng tháng theo hệ số 0,6; Tổ trưởng hưởng hệ số 0,8 mức lương tối thiểu.

c.7. Nhân viên Quản lý đê Nhân dân được tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê hàng năm; được trang bị bảo hộ lao động khi làm nhiệm vụ (sổ sách ghi chép, áo mưa, ủng, mũ cứng, đèn pin, dụng cụ lao động cần thiết) và được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước trong trường hợp bị tai nạn khi làm nhiệm vụ;

c.8. Nguồn kinh phí chi trả thù lao cho lực lượng Quản lý đê Nhân dân do ngân sách xã cân đối, chi trả (phần kinh phí sự nghiệp kinh tế), trường hợp không đủ kinh phí thì UBND cấp xã có văn bản báo cáo UBND cấp quận, huyện xem xét, bổ sung.

d) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi có đê.

d.1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp Huyện nơi có đê:

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp Xã nơi có đê, tổ chức lực lượng Quản lý đê Nhân dân; hướng dẫn hoạt động và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng này;

- Chỉ đạo phòng chức năng của huyện phối hợp với Hạt Quản lý đê hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành đê điều hàng năm tổ chức , tập huấn về chuyên

môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê cho lực lượng Quản lý đê Nhân dân;

- Căn cứ số liệu kiểm kê số Km đê, kè, công qua đê hàng năm trên địa bàn tương ứng với số lượng cán bộ quản lý đê nhân dân, bố trí dự toán ngân sách hàng năm để chi trả thù lao cho lực lượng quản lý đê nhân dân; chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã về việc chi trả thù lao và các chế độ chính sách khác đối với lực lượng Quản lý đê Nhân dân;

- Phòng chuyên môn cấp Huyện có trách nhiệm tham mưu cho chủ tịch UBND cấp Huyện thực hiện chế độ báo cáo đột xuất khi cần và báo cáo định kỳ 1 tháng 1 lần vào ngày 05 hàng tháng cho UBND Thành phố và các cơ quan liên quan;

d.2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp Xã nơi có đê :

- Căn cứ số lượng chiều dài tuyến đê trên địa bàn quản lý, UBND cấp xã tổ chức tuyển dụng lực lượng quản lý đê nhân dân thuộc địa bàn theo quy định tại Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11/5/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trực tiếp quản lý và điều hành lực lượng Quản lý đê Nhân dân hoạt động có hiệu quả và bảo vệ đê điều an toàn;

- Xây dựng kế hoạch dự toán ngân sách hàng năm để thanh toán chi trả thù lao và thực hiện các chế độ, chính sách đối với nhân viên Quản lý đê Nhân dân được quy định tại Điều 4 quy định này ;

- Có trách nhiệm đánh giá chất lượng của lực lượng Quản lý đê Nhân dân hàng năm trên địa bàn, nếu có thành tích tốt trong công tác sẽ đề nghị khen thưởng, nếu không thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao sẽ bị xử lý theo quy định.

đ) Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

đ.1. Phối hợp với Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân cấp Huyện nơi có đê để tổ chức, hướng dẫn hoạt động của lực lượng Quản lý đê Nhân dân;

đ.2. Chỉ đạo Chi cục Đê điều và Phòng, chống lụt, bão phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp Huyện tổ chức tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê cho lực lượng Quản lý đê Nhân dân; trong việc kiểm tra, tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều thuộc địa bàn, các biện pháp kỹ thuật khi tham gia xử lý các sự cố về đê điều.

e) Trách nhiệm của Sở Tài chính.

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra UBND cấp huyện và cấp xã lập dự toán và quyết toán kinh phí chi trả lực lượng quản lý đê nhân dân theo chế độ của Nhà nước và Thành phố quy định.

g) Trách nhiệm của Sở Nội Vụ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp Huyện nơi có đề đề tổ chức, hướng dẫn hoạt động của lực lượng Quản lý đề Nhân dân trên địa bàn Thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện, xã, phường, thị trấn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Greth*

- Đ/c Chủ tịch UBND TP. Hà Nội;
- Như Điều 2;
- TH, NN-NT;
- Lưu VT.

140

KT. CHỦ TỊCH *[Signature]*
PHÓ CHỦ TỊCH *[Signature]*



Trịnh Duy Hùng